

Bản án số: 16/2018/HS-ST  
Ngày: 30/10/2018

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN HẢI TỈNH KIÊN GIANG**

*Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Đức

- *Các hội thẩm nhân dân:*

Ông: Phan Thành Văn

Ông: Đinh Xuân Văn

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa* Ông: Đặng Hữu Thạnh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa* Ông: Phạm Đình Chiến - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang; tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/HS-ST ngày 18 tháng 10 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

**1. Họ và tên: Trần Văn Th, sinh năm 1975;**

Nơi ĐKNKTT: ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Tổ S, ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo; không; Quốc tịch: Việt nam

Con ông Trần Văn Đ, sinh năm 1927, bà Nguyễn Thị S (đã chết)

Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 24/4/2018, tạm giam ngày 03/5/2018 đến nay về hành vi “ *Trộm cắp tài sản*”.

**Bị hại:**

- Chị: Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ S, ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà: Nguyễn Thủy Ngọc G, sinh năm 1982 (có mặt)

- Ông: Lê Văn T, sinh năm 1980 (vắng mặt)

- Bà: Dương Thị Th, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ S, ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 21/4/2018 Trần Văn Th sau khi đi hội chợ về đến tại Tổ S, ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang, Th đi đến nhà của Chị Nguyễn Thị Ngọc H để lấy nước đá uống, do cửa nhà chị H khóa nên Th đi về nhà thấy cây dừa móng tay bằng kim loại của vợ để trên bàn, Th lấy cây dừa móng tay qua nhà Chị H dùng cây dừa đưa vào ổ khóa vặn thì mở được ổ khóa. Th đi vào bên trong nhà chị H đến tủ lạnh lấy hai cục nước đá đem về nhà, Th nhớ tới cửa phòng ngủ của chị H không có khóa, biết chị H có tiền do hôm trước Chồng chị H là Lê Văn T có gửi tàu của Th 300 kg mực đem về bán nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản của chị H. Th đi qua nhà Chị H vào nhà mở cửa phòng ngủ đến chỗ đựng quần áo. Thấy trên tủ áo có treo một cái túi nhỏ Th mở túi xem thì thấy có chìa khóa. Th lấy chìa khóa mở cửa tủ ra phát hiện một cái túi xách màu đen, bên trong có một cái bọc ny lon màu đen được cột lại, Th dùng tay bóp thử thì phát hiện là tiền, Th lấy tiền xong khóa cửa tủ lại và bỏ chìa khóa vào túi nhỏ treo trên cửa tủ. Khi quay trở ra Th phát hiện có hai chiếc điện thoại đang sạc pin trong phòng, Th lấy hai chiếc điện thoại rồi đi ra ngoài. Khi ra ngoài Th đi cầu thang bên hông nhà Chị H xuống dưới sân nhà, lấy hai chiếc điện thoại tắt nguồn bỏ vào trong một đoạn ống nước rồi dùng 01 cái bọc ny lon trùm lên miệng ống nước, Th đi đến cột nhà nhét bọc ny lon màu đen đựng tiền vào trong kẹt đá dùng bao xi măng đập lên phía trên.

Tại bản kết luận giám định về giá trị tài sản số: 03/ĐG -HĐGD ngày 01/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện Kiên Hải kết luận

- Giá 01 (một) điện thoại Iphone 5S 32 G màu vàng mua vào năm 2015 đã qua sử dụng có giá trị: là 1.000.000đ (một triệu đồng)

- Giá 01 (một) điện thoại OPPO F3 Plus mua vào năm 2017 đã qua sử dụng có giá là: 1.300.000đ (một triệu ba trăm ngàn đồng)

- Tiền Việt Nam đồng 134.000.000đ (một trăm ba mươi bốn triệu đồng)

Như vậy tổng giá trị tài sản mất trộm là **136.300.000đ** (Một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng)

**Tại bản cáo trạng số: 16/CT- VKS-KH** ngày 18 tháng 10 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải đã truy tố bị cáo Trần Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 điều 173 BLHS

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173 BLHS, tình tiết giảm nhẹ áp dụng điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Điều 54 Điều 38 BLHS xử phạt:

Bị cáo Trần Văn Th - Từ 9 đến 12 tháng tù.

- Về Trách nhiệm dân sự:**

Các tài sản bị cáo trộm cắp đã trả lại cho bị hại; đồng thời gia đình bị cáo Trần Văn Th đã tự nguyện bồi thường thiệt hại 02 ổ khóa bị cạy hư giá 1.200.000đ cho Nguyễn Thị H, bị hại có đơn xin bãi nại cho bị cáo.

- Về Xử lý vật chứng: Đối với 01 cây dừa móng tay dài khoảng 15 cm, rộng khoảng 1 cm bằng kim loại màu trắng bạc, bề mặt nhám, có mũi nhọn bị gãy đã qua

sử dụng mà bị cáo dùng làm phương tiện để thực hiện phạm tội, bị cáo đã bỏ xuống biển, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không gặp.

Bị cáo Trần Văn Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng cũng như bản luận tội của Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại: Nguyễn Thị Ngọc H đã nhận đủ tài sản bị mất trộm và bồi thường 02 ổ khóa mới; nay không có ý kiến gì khác, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn T, bà Nguyễn Ngọc Thủy G thống nhất theo bản cáo trạng và bản luận tội của Viện Kiểm sát.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiên Hải, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn Th đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với hồ sơ có trong vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và thời gian, không gian, địa điểm.

Vào khoảng 21 giờ, ngày 21/4/2018, tại nhà chị vợ của bị cáo là chị Nguyễn Thị Ngọc H trú tại Tổ S, ấp A, xã N, huyện K, tỉnh Kiên Giang, Trần Văn Th lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của Chị H, đã lén lút đột nhập vào nhà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Chị H gồm: 01 chiếc điện thoại Iphone 5S 32G; 01 chiếc điện thoại OPPO F3 plus và tiền mặt 134.000.000đ (một trăm ba mươi bốn triệu đồng). Tổng trị giá trị tài sản tại thời điểm mất trộm và qua kết quả giám định là 136.300.000đ (một trăm ba mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng). Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Hải tỉnh Kiên Giang truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Theo khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự:

Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

#### **c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ**

Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo xảy ra rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo thực hiện tội phạm có ý thức và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã trưởng thành và ý thức được rằng việc trộm cắp tài sản của

người khác được pháp luật bảo vệ là vi phạm pháp luật, bị cáo đang trong độ tuổi lao động; đáng lẽ ra bị cáo phải chí thú làm ăn lương thiện, kiếm tiền hợp pháp để nuôi sống bản thân, phụ giúp gia đình, nhưng xuất phát từ nợ nần và bản chất lười lao động, chỉ muốn hưởng thụ có tiền tiêu xài bằng con đường phạm pháp; từ đó bị cáo đã bất chấp pháp luật. Hành vi trên thể hiện tính xem thường, gây dư luận hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân; xét về tổng giá trị tài sản chiếm đoạt có giá trị lớn trên 50.000.000đ và dưới 200.000.000đ; do đó cần phải xử lý bị cáo với mức hình phạt thật tương xứng đối với tội trạng bị cáo; nhằm có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, sống giúp ích cho gia đình và xã hội; đồng thời răn đe giáo dục và phòng ngừa chung cho các trường hợp tương tự khác.

[3] Về tình tiết định khung: Bị cáo Trần Văn Th thực hiện trộm cắp của bị hại với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt lên đến 136.300.000đ cho nên bị cáo bị truy tố theo điểm c khoản 2 điều 173 BLHS.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục bồi thường xong cho người bị hại 02 ổ khóa mới giá 1,200.000đ do bị cạy hư, bị cáo có trình độ văn hóa thấp, nhận thức và am hiểu pháp luật còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình có khó khăn nhất định, bị cáo là lao động chính trong gia đình; đồng thời bị cáo có anh ruột là liệt sĩ; và lại giữa bị hại và bị cáo có mối quan hệ thân thích trong gia đình (là chị vợ bị cáo) bị hại tại Tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sớm trở về gia đình; từ nhiều tình tiết giảm nhẹ nêu trên, có thể quyết định cho bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung; nhằm thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước ta.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do đó, chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát áp dụng điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản trộm cắp đã thu hồi trả lại cho bị hại nên miễn xét

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Điều 299; Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 54 Điều 38 Bộ luật hình sự;

**Tuyên bố:** Bị cáo Trần Văn Th phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”

Xử phạt: Trần Văn Th – 9 tháng tù. Thời hạn tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ 24/4/2018.

**Về Trách nhiệm dân sự:** Tài sản đã thu hồi trả đủ cho bị hại, nên miễn xét.

**Về án phí HSST:** Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn Th phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*)

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày; kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Đức**